

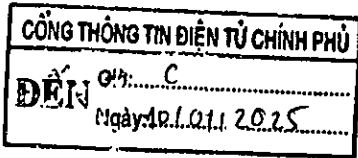
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02 /2025/QĐ-UBND Hà Nam, ngày 02 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định các trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi Hủy hoại đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định các trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi Hủy hoại đất trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 01 năm 2025.

Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2024 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.


Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT. Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT.

L/2024/QĐ01.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Nguyễn Đức Vượng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



QUY ĐỊNH

Các trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi Hủy hoại đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam

(Kèm theo Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm theo quy định tại khoản 5, Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với hành vi hủy hoại đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

2. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất được hiểu là trường hợp không thể dùng hoặc không cần thiết dùng các biện pháp tác động cơ học, sinh học, hóa học và một số biện pháp kỹ thuật khác để đưa diện tích đất bị vi phạm trở lại có khả năng sử dụng theo mục đích như ban đầu trước khi vi phạm.

2. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm được hiểu là việc dùng các biện pháp tác động cơ học, sinh học, hóa học và một số biện pháp kỹ thuật khác để đưa diện tích đất bị vi phạm trở lại có khả năng sử dụng theo mục đích như ban đầu trước khi vi phạm.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Hành vi làm suy giảm chất lượng đất

1. Hành vi làm mất hoặc giảm độ dày tầng đất đang canh tác: Trường hợp diện tích vi phạm thuộc các thửa đất nông nghiệp bị ảnh hưởng bởi các dự án đang triển khai thực hiện, đã có quy hoạch, không còn tiếp tục sản xuất, canh tác được nữa do thấp trũng và không có nguồn nước, bị bỏ hoang không canh tác.

2. Hành vi làm thay đổi lớp mặt của đất sản xuất nông nghiệp bằng các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn cát, sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác với loại đất đang sử dụng trước khi vi phạm: Trường hợp diện tích vi phạm thuộc các thửa đất nông nghiệp bị ảnh hưởng bởi các dự án đang triển khai thực hiện, đã có quy hoạch, không sản xuất được nữa do thấp trũng và không có nguồn nước, bị bỏ hoang không canh tác.

3. Hành vi gây bạc màu, gây xói mòn, rửa trôi đất nông nghiệp mà dẫn đến làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất đã được xác định: Trường hợp diện tích đất vi phạm đã có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết 1/500 đã được phê duyệt, phù hợp mục đích sử dụng đất được giao, được thuê hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

Điều 5. Hành vi làm biến dạng địa hình

1. Hành vi thay đổi độ dốc bề mặt đất: Trường hợp diện tích đất vi phạm mà hiện nay phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết 1/500 đã được phê duyệt, phù hợp mục đích sử dụng đất được giao, được thuê hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

2. Hành vi hạ thấp bề mặt đất: Trường hợp diện tích đất vi phạm mà hiện nay phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết 1/500 đã được phê duyệt, phù hợp mục đích sử dụng đất được giao, được thuê hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận

3. Hành vi san lấp đất có mặt nước chuyên dùng (*trừ hồ thủy lợi*): Trường hợp diện tích đất vi phạm mà tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính diện tích đất mặt nước chuyên dùng đó không còn cần thiết cho mục đích sử dụng đã được xác định.

4. Hành vi san lấp nâng cao, hạ thấp bề mặt của đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản mà làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định (*trừ trường hợp chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất*

trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa, cải tạo đất nông nghiệp thành ruộng bậc thang và hình thức cải tạo đất khác phù hợp với mục đích sử dụng đất được giao, được thuê, được công nhận quyền sử dụng đất hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất phê duyệt hoặc chấp thuận): Trường hợp diện tích đất vi phạm phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết 1/500 đã được phê duyệt, phù hợp mục đích sử dụng đất được giao, được thuê hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

Điều 6. Mức độ khôi phục tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm

Đối với các trường hợp không thuộc trường hợp quy định tại Điều 4, Điều 5 quy định này thì buộc phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm; mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm là phải đảm bảo đưa diện tích đất vi phạm về đúng tình trạng, mục đích ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và việc xác định tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 7 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Trách nhiệm của UBND các xã, phường, thị trấn nơi có diện tích đất vi phạm chịu trách nhiệm xác nhận diện tích đất vi phạm đảm bảo các điều kiện để áp dụng Điều 4, Điều 5 Quy định này khi người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đề nghị.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, các sở, ngành, tổ chức, đoàn thể có liên quan trong chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phổ biến, thực hiện nội dung Quy định này; trường hợp các quy định pháp luật cấp trên có quy định khác với nội dung trong Quy định này thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật cấp trên.

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đã ban hành trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, nhưng

chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa xong biện pháp khắc phục hậu quả thì mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất như trước khi vi phạm thực hiện theo quy định pháp luật tại thời điểm ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Trường hợp đã lập biên bản vi phạm hành chính trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, nhưng chưa có quyết định xử phạt hoặc chưa có quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm thì mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất như trước khi vi phạm thực hiện theo Quyết định này.

Điều 9. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 21 tháng 01 năm 2025.

Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2024 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có ý kiến gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.